

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1629/UBND-KTN
V/v kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch
sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang

An Giang, ngày 30 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện Công văn số 9838/BTNMT-QHPTTND ngày 20 tháng 11 năm 2023 và Công văn số 9015/BTNMT-QHPTTND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Qua rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xin báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Tình hình lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện

Thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai lập đồng thời quy hoạch sử dụng đất các cấp thời kỳ 2021-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của 10/11 huyện, thị xã, thành phố (riêng đối với huyện Châu Thành chưa được phê duyệt do tại thời điểm lập quy hoạch chưa thống nhất về ranh giới hành chính).

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 2021-2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Công văn số 4707/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các tỉnh tổ chức triển khai lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện đảm bảo đồng bộ với Quy hoạch tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã triển khai lập Quy hoạch tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đang tổ chức thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện, dự kiến hoàn thành phê duyệt trong năm 2023.

(Chi tiết tình hình lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện theo mẫu hướng dẫn của Bộ tại Phụ biểu số 04 kèm theo)

2. Tình hình lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện

Thực hiện Luật Đất đai 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã phê duyệt xong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của 11/11 huyện, thị xã, thành phố trong tháng 12 năm 2022.

(Chi tiết tình hình lập Kế hoạch sử dụng đất năm cấp huyện theo mẫu hướng dẫn của Bộ tại Phụ biểu số 05 kèm theo)

3. Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Chi tiết kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dự kiến đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo mẫu hướng dẫn của Bộ tại Phụ biểu số 01 kèm theo.

4. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất: Chi tiết kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất dự kiến đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo mẫu hướng dẫn của Bộ tại Phụ biểu số 02 kèm theo.

5. Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng: Chi tiết kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng dự kiến đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo mẫu hướng dẫn của Bộ tại Phụ biểu số 03 kèm theo.

6. Kết quả thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án: Chi tiết kết quả thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình, dự án theo Phụ biểu số 06 kèm theo.

7. Đánh giá về kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị

Theo Văn bản số 2997/BCA-H02 ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Bộ Công an kiến nghị được tăng thêm 91 ha (từ 265 ha theo Quyết định số 326/QĐ-TTg thành 356 ha), do đó kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, trình Thủ tướng chấp thuận điều chỉnh chỉ tiêu đất an ninh này theo kiến nghị của Bộ Công an.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh: CT và các PCT (để b/c);
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, KTN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Thúy

Phụ biểu 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH AN GIANG

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo Quyết định số 326/QĐ-TTg đến năm 2025	Tổng diện tích được duyệt theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện	Kết quả thực hiện		So sánh tăng (+), giảm (-)
				Dự kiến đến 31/12/2023	Tỷ lệ đạt (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)*100	(7)=(5)-(3)
1	Đất nông nghiệp	290.989,0	294.232,4	295.285,0	101,48	4.296,0
1.1	Đất trồng lúa	238.982,0	238.815,5	237.498,0	99,38	-1.484,0
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>236.828,0</i>	<i>215.144,2</i>	<i>237.498,0</i>	<i>100,28</i>	<i>670,0</i>
1.2	Đất rừng phòng hộ	8.012,0	7.894,4	8.011,0	99,99	-1,0
1.3	Đất rừng đặc dụng	1.285,0	1.284,0	1.286,0	100,08	1,0
1.4	Đất rừng sản xuất	1.681,0	2.305,6	2.298,0	136,70	617,0
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>2,0</i>	<i>0,0</i>	<i>2,0</i>	<i>100,00</i>	<i>0,0</i>
2	Đất phi nông nghiệp	61.705,0	58.352,6	56.758,0	91,98	-4.947,0
	Trong đó:					
2.1	Đất khu công nghiệp	617,0	427,4	242,0	39,22	-375,0
2.2	Đất quốc phòng	3.300,0	705,5	804,0	24,36	-2.496,0
2.3	Đất an ninh	265,0	59,6	47,0	17,74	-218,0
2.4	Đất phát triển hạ tầng	23.502,0	24.066,0	22.563,0	96,00	-939,0
	Trong đó:					
	- Đất giao thông	10.650,0	10.844,4	10.139,0	95,20	-511,0
	- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	67,0	60,7	52,0	77,61	-15,0
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	104,0	84,9	85,0	81,73	-19,0
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	826,0	704,6	688,0	83,29	-138,0
	- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	141,0	147,9	131,0	92,91	-10,0
	- Đất công trình năng lượng	443,0	428,2	280,0	63,21	-163,0
	- Đất công trình bưu chính, viễn thông	14,0	11,2	11,0	78,57	-3,0
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	4,0	0,0	0,0	0,00	-4,0
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	71,0	46,8	45,0	63,38	-26,0
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	102,0	85,0	85,0	83,33	-17,0
3	Đất chưa sử dụng	989,0	1.094,2	1.640,0	165,82	651,0
3.1	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	135,0	0,0	0,0	0,00	-135,0
3.2	Đất chưa sử dụng còn lại	989,0	0,0	1.640,0	165,82	651,0
4	Đất khu kinh tế	30.730,0	0,0	30.730,0	100,00	0,0
5	Đất khu công nghệ cao	0,0	0,0	0,0	0,00	0,0
6	Đất đô thị	35.189,0	44.194,9	44.365,0	126,08	9.176,0

Phụ biểu 02: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH AN GIANG

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo Quyết định 326/QĐ-TTg đến năm 2025	Tổng diện tích được duyệt theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện	Kết quả thực hiện	
				Dự kiến đến 31/12/2023	Tỷ lệ đạt (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)/(3)*100
1	Đất nông nghiệp	290.989,0	2.947,1	295.285,0	101,5
1.1	Đất trồng lúa	238.982,0	3.135,5	237.498,0	99,4
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>236.828,0</i>	<i>3.135,5</i>	<i>237.498,0</i>	<i>100,3</i>
1.2	Đất rừng phòng hộ	8.012,0	18,4	8.011,0	100,0
1.3	Đất rừng đặc dụng	1.285,0	1,7	1.286,0	100,1
1.4	Đất rừng sản xuất	1.681,0	91,0	2.298,0	136,7
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>2,0</i>	<i>0,0</i>	<i>2,0</i>	<i>100,0</i>
2	Đất phi nông nghiệp	61.705,0	0,0	56.758,0	92,0
	Trong đó:				
2.1	Đất khu công nghiệp	617,0		242,0	
2.2	Đất quốc phòng	3.300,0		804,0	
2.3	Đất an ninh	265,0		47,0	
2.4	Đất phát triển hạ tầng	23.502,0		22.563,0	
	Trong đó:				
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>10.650,0</i>		<i>10.139,0</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>67,0</i>		<i>52,0</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>104,0</i>		<i>85,0</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>826,0</i>		<i>688,0</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>141,0</i>		<i>131,0</i>	
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>443,0</i>		<i>280,0</i>	
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>14,0</i>		<i>11,0</i>	
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	4,0		0,0	
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	71,0		45,0	
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	102,0		85,0	
3	Đất chưa sử dụng				
3.1	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng				
3.2	Đất chưa sử dụng còn lại	989,0	0,0	1.640,0	166,7
4	Đất khu kinh tế	30.730,0	0,0	30.730,0	101,5
5	Đất khu công nghệ cao				
6	Đất đô thị	35.189,0	0,0	44.365,0	100,3

Phụ biểu 03: KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG TỈNH AN GIANG

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo Quyết định 326/QĐ-TTg đến năm 2025	Tổng diện tích được duyệt theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện	Kết quả thực hiện	
				Dự kiến đến 31/12/2023	Tỷ lệ đạt (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)/(3)*100
1	Đất nông nghiệp	290.989,0	0,0	0,0	-
1.1	Đất trồng lúa	238.982,0	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>236.828,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.2	Đất rừng phòng hộ	8.012,0	-	-	-
1.3	Đất rừng đặc dụng	1.285,0	-	-	-
1.4	Đất rừng sản xuất	1.681,0	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>2,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2	Đất phi nông nghiệp	61.705,0	29,6	29,6	0,05
	Trong đó:				
2.1	Đất khu công nghiệp	617,0	-	-	-
2.2	Đất quốc phòng	3.300,0	-	-	-
2.3	Đất an ninh	265,0	-	-	-
2.4	Đất phát triển hạ tầng	23.502,0	1,1	1,1	0,01
	Trong đó:				
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>10.650,0</i>	<i>1,1</i>	<i>1,1</i>	<i>0,01</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>67,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>104,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>826,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>141,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>443,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>14,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	4,0	-	-	-
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	71,0	-	-	-
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	102,0	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng				
3.1	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	135,0	-	-	-

**Phụ biểu 04: TÌNH HÌNH LẬP QHSDD THỜI KỲ 2021-2030 VÀ ĐIỀU CHỈNH QHSDD THỜI KỲ 2021-2030
CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG TÍNH ĐẾN NGÀY 30/9/2023**

STT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Kết quả lập QHSDD thời kỳ 2021-2030 cấp huyện				Kết quả điều chỉnh QHSDD thời kỳ 2021-2030 cấp huyện			
		Đang tổ chức thực hiện	Đã hoàn thành	Dự kiến hoàn thành	Số đơn vị chưa lập	Đang tổ chức thực hiện	Đã hoàn thành	Dự kiến hoàn thành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Thành phố Long Xuyên		Quyết định số 3097/QĐ-UBND ngày 27/12/2021			X		trước ngày 31/12/2023	
2	Thành phố Châu Đốc		Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 31/12/2021			X		trước ngày 31/12/2023	
3	Thị xã Tân Châu		Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 31/12/2021			X		trước ngày 31/12/2023	
4	Thị xã Tịnh Biên		Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 27/12/2021			X		trước ngày 31/12/2023	
5	Huyện An Phú		Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 27/12/2021			X		trước ngày 31/12/2023	
6	Huyện Tri Tôn		Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 27/12/2021			X		trước ngày 31/12/2023	
7	Huyện Thoại Sơn		Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 27/12/2021			X		trước ngày 31/12/2023	
8	Huyện Châu Phú		Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 31/12/2021			X		trước ngày 31/12/2023	
9	Huyện Chợ Mới		Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 31/12/2021			X		trước ngày 31/12/2023	
10	Huyện Phú Tân		Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 24/12/2021			X		trước ngày 31/12/2023	
11	Huyện Châu Thành	X		trước ngày 31/12/2023	1				

Phụ biểu 05: TÌNH HÌNH LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

STT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Kết quả lập KHSDD năm 2023 cấp huyện				Kết quả điều chỉnh, bổ sung KHSDD năm 2023 cấp huyện			
		Đang tổ chức thực hiện	Đã hoàn thành	Dự kiến hoàn thành	Số đơn vị chưa lập	Đang tổ chức thực hiện	Đã hoàn thành	Dự kiến hoàn thành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Thành phố Long Xuyên		Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 30/12/2022						
2	Thành phố Châu Đốc		Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 30/12/2022						
3	Thị xã Tân Châu		Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 30/12/2022						
4	Thị xã Tịnh Biên		Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 30/12/2022						
5	Huyện An Phú		Quyết định số 3184/QĐ-UBND ngày 30/12/2022						
6	Huyện Tri Tôn		Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 30/12/2022						
7	Huyện Thoại Sơn		Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 30/12/2022						
8	Huyện Châu Phú		Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 30/12/2022						
9	Huyện Chợ Mới		Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 30/12/2022						
10	Huyện Phú Tân		Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 30/12/2022						
11	Huyện Châu Thành		Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 30/12/2022						

**Phụ biểu 06: KẾT QUẢ GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

TT	Tên cơ quan, tổ chức	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện công trình, dự án		Diện tích (m2)	Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố		
1	Công ty Cổ phần thực phẩm GAP	Nhà máy xay xát lúa, gạo và kho bảo quản nông sản sau thu hoạch	Hòa An	Chợ Mới	3.216,0	
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Khu đô thị Golden City An Giang giai đoạn 2	Mỹ Hòa	Long Xuyên	1.290,0	
3	UBND xã An Nông	Nhà bia tượng niệm xã An Nông	An Nông	Tịnh Biên	1.092,0	
4	Công ty TNHH Phạm Gia Nam Kinh	Khu dân cư đường Lê Thiện Tứ nối dài	Đông Xuyên	Long Xuyên	631,5	
5	Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang	Trụ sở Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang	Vĩnh Bình	Châu Thành	369.261,4	
6	Công ty TNHH Xây dựng Lê Thiên Phúc	Khu dân cư và chợ An Long	An Thạnh Trung	Chợ Mới	37.633,3	
7	Tòa án nhân dân tỉnh An Giang	Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang	Mỹ Hòa	Long Xuyên	596,5	
8	Chùa Phật Ân	Mở rộng Chùa Phật Ân	Mỹ Đức	Châu Phú	20.897,9	